

Theo dấu dòng tiền

# TOP CỔ PHIẾU

— —  
Ngày 25 tháng 03, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư  
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TCH	24/03/2026	15.95	27.190.500	8.078.560	3.37
2	MIG	24/03/2026	18.7	1.186.600	408.270	2.91
3	TSA	24/03/2026	16.1	519.700	197.853	2.63
4	AGG	24/03/2026	12.95	993.800	409.433	2.43
5	PAC	24/03/2026	26.2	1.666.900	769.087	2.17
6	HDG	24/03/2026	29.85	5.833.600	2.812.217	02.07
7	BVH	24/03/2026	80.3	1.675.200	851.320	1.97
8	TCO	24/03/2026	12.9	969.800	531.207	1.83
9	HHS	24/03/2026	11.55	3.551.100	2.000.490	1.78
10	VPB	24/03/2026	25.25	29.998.900	17.725.294	1.69
11	TVD	24/03/2026	11.2	520.400	315.263	1.65
12	DXG	24/03/2026	13.7	26.909.700	16.811.734	1.6
13	ORS	24/03/2026	12.9	4.738.700	2.973.527	1.59
14	PPC	24/03/2026	10.65	1.003.300	629.340	1.59
15	KBC	24/03/2026	27.65	6.826.100	4.406.937	1.55
16	NTL	24/03/2026	16	877.700	566.187	1.55
17	TCM	24/03/2026	22.2	2.272.800	1.524.503	1.49
18	QTP	24/03/2026	13.7	1.340.400	927.723	1.44
19	NVL	24/03/2026	13.25	17.746.000	12.316.417	1.44
20	MZG	24/03/2026	13.2	770.900	596.957	1.29
21	VJC	24/03/2026	153	1.654.700	1.307.823	1.27
22	NLG	24/03/2026	28.2	4.817.700	3.854.397	1.25
23	VND	24/03/2026	15.5	15.530.100	12.650.693	1.23
24	CEO	24/03/2026	15.7	12.964.900	10.656.037	1.22
25	TTA	24/03/2026	11.06	525.800	439.240	1.2
26	VCG	24/03/2026	20.55	13.399.200	11.245.853	1.19
27	PDR	24/03/2026	15.15	10.501.500	8.848.820	1.19
28	CII	24/03/2026	16.65	13.483.600	11.814.880	1.14



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAV	24/03/2026	6.5	814.260	55.59	6.3	3.22
2	CRC	24/03/2026	10	3.066.750	64.9	9.84	1.59
3	CTD	24/03/2026	81.3	737.830	49.93	78.87	03.08
4	EVF	24/03/2026	13.25	15.710.530	49.59	12.53	5.77
5	GEE	24/03/2026	155.5	820.280	45.98	149.14	4.26
6	GEG	24/03/2026	16.05	2.707.070	54.74	15.58	2.99
7	HDB	24/03/2026	24.3	12.693.950	31.28	23.87	1.81
8	HDG	24/03/2026	29.85	3.853.210	62.24	28.41	05.05
9	KOS	24/03/2026	38.8	506.840	68.04	38.64	0.41
10	MBB	24/03/2026	25.6	16.323.840	41.57	24.59	04.09
11	PAC	24/03/2026	26.2	1.264.820	58.55	24.92	5.14
12	POW	24/03/2026	12.7	14.871.720	39.63	12.53	1.32
13	PPC	24/03/2026	10.65	1.057.120	56.59	10.29	3.48
14	REE	24/03/2026	66.3	1.470.310	60.45	63.93	3.7
15	TTA	24/03/2026	11.6	545.470	58.47	11.06	4.89
16	VGI	24/03/2026	84.3	767.160	39.05	81.45	3.5
17	VHC	24/03/2026	57.4	844.790	43.38	57.23	0.3
18	VNM	24/03/2026	61.2	4.930.510	42.17	60.67	0.88
19	VPI	24/03/2026	57.9	2.892.790	51.04	55.63	04.08
20	VSC	24/03/2026	23.5	6.350.970	46.15	23.45	0.22

## Vượt đỉnh 1 năm

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu



## Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	DVM	7	7	550.400
2	HDG	29.85	29.15	3.853.210
3	MZG	13.2	13.1	1040840
4	PAC	26.2	26.15	1.264.820
5	TCO	12.9	12.15	462.950

## Vượt đỉnh phá đáy

### Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CAT	14.5	14.6	51.550
2	CNG	23.4	23.5	26.520
3	DHA	46.8	47	56.780
4	HVA	8.9	10.4	51.140
5	KDC	48.05	48.46	222.360
6	LHC	98.8	100	15.100
7	SGB	10.7	11.9	15.990
8	TCM	22.2	22.45	1.637.460
9	TVS	13.2	13.3	135.860

### Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CNG	23.4	23	26.520
2	KDC	48.05	46.75	222.360
3	TCM	22.2	21.9	1.637.460



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

### Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CTD	81.3	78.87	737.830
2	GEE	155.5	149.14	820.280
3	HDG	29.85	28.41	3853210
4	PAC	26.2	24.92	1.264.820
5	VHC	57.4	57.23	844.790

### Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BVH	80.3	76.91	680.380
2	CII	16.65	16.43	12.269.340
3	HHS	11.55	11.09	2050850
4	HUT	16.2	16.02	2.450.030
5	NLG	28.2	26.9	4.146.350
7	VHM	99	98.57	4871240
8	VPI	57.9	57.85	2892790

### Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTD	81.3	79.91	737.830
2	EIB	22.15	22.13	8.689.780
3	HHS	11.55	11.33	2050850
4	HUT	16.2	16.01	2.450.030
5	NRC	5.9	5.81	1.014.440
6	TCH	15.95	15.34	10.003.730
7	VPI	57.9	56.66	2.892.790

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

### Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	PLX	39.8	40.29	7.508.140
2	PVP	14.55	14.55	908.990

### Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	VCG	20.55	20.79	18.994.640

### Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	PVD	33.5	34.23	7.080.680
2	PVX	1.8	1.88	5.147.580



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	PPT	24/03/2026	15.5	15.3	15.6	1.96	217,200
2	SCG	24/03/2026	64.2	64.2	65.6	2.18	22,100
3	ODE	24/03/2026	45.1	44.8	46.3	3.35	16,600
4	SJD	24/03/2026	13.9	13.7	14.25	04.01	68,060
5	OCB	24/03/2026	10.95	10.6	11.5	4.25	1,774,160
6	SSB	24/03/2026	16.8	16.3	17	4.29	2,077,280
7	VTZ	24/03/2026	19.8	19.7	20.6	4.57	1,200,540
8	SBG	24/03/2026	11.6	11.35	11.9	4.85	33,740
9	SBB	24/03/2026	16.01	15.4	16.2	5.19	5,180
10	MCM	24/03/2026	25.5	25	26.45	05.08	17,140
11	MSB	24/03/2026	11.25	10.9	11.55	5.96	3,698,680
12	BAF	24/03/2026	34.2	33.5	35.5	5.97	2,179,220
13	VSH	24/03/2026	43.35	42	44.6	6.19	13,180
14	RYG	24/03/2026	10.95	10.3	10.95	6.31	95,460
15	ABB	24/03/2026	13.8	13	13.9	6.92	1,025,660
16	TAL	24/03/2026	43.65	41.55	44.7	7.58	207,600
17	PGB	24/03/2026	11.9	11.6	12.5	7.76	6,900
18	GDT	24/03/2026	19.1	18.75	20.23	7.89	20,780
19	VLS	24/03/2026	16.7	16.3	17.6	7.98	5,200
20	DRL	24/03/2026	45.5	45	48.95	8.78	6,700
21	ADP	24/03/2026	22.65	22.22	24.2	8.91	7,060
22	SVT	24/03/2026	11.2	10.6	11.55	8.96	6,100
23	SHP	24/03/2026	34.45	32.08	35	09.01	6,360
24	GIC	24/03/2026	10.2	9.8	10.7	9.18	5,440
25	KSF	24/03/2026	82	75	82	9.33	30,440
26	SBA	24/03/2026	28.2	27.6	30.2	9.42	31,120
27	TNH	24/03/2026	10.25	9.98	10.95	9.72	87,240



**Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư**

**Nguyễn Văn Thanh**

Phụ trách khối Phân tích & TỰ doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

**Phân tích cơ bản**

**Nguyễn Kim Dung**

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

**Chiến lược giao dịch**

**Nguyễn Văn Thiệu**

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

**Cam kết phân tích**

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

**Khuyến nghị**

**CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



## **Tuyên bố trách nhiệm**

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

## **Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha**

### **Hội sở chính**

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

### **Chi nhánh Thanh Hoá**

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009